

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân
2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm: 1997.
Địa chỉ: Số nhà X, thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Bà N có mặt, ông T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Khánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Văn T kết hôn vào ngày 07/5/2014, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà X, thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, cá độ, cầm cố tài sản trong gia đình để đi chơi cá độ, cờ bạc, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng ông T không thay đổi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trịnh Văn Minh K, sinh ngày 08/8/2014 và Trịnh Bảo N1, sinh ngày 02/8/2019. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi T niên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trịnh Văn T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Khánh N, cho bà Nguyễn Thị Khánh N và ông Trịnh Văn T được ly hôn; Về con chung: Giao con chung Trịnh Văn Minh K, sinh ngày 08/8/2014 và Trịnh Bảo N1, sinh ngày 02/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Khánh N trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị Khánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với ông Trịnh Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Khánh N và ông Trịnh Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 07/5/2014, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Theo bà N trình bày cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, cá độ, cầm cố tài sản trong gia đình để đi chơi cá độ, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc bà N yêu cầu ly hôn thể hiện ông T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ gia đình với bà N. Qua xác minh tại địa phương thì bà N và ông T không còn sống chung. Do đó có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T thực tế có xảy ra và đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Khánh N.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Văn Minh K, sinh ngày 08/8/2014 và Trịnh Bảo N1, sinh ngày 02/8/2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét yêu cầu nuôi con của bà N thì thấy rằng, trong thời gian qua hai con đều ở với bà N, do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, con Minh K trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn ở với mẹ, con Bảo N1 còn nhỏ lại là con gái cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ, trong khi đó ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Trịnh Văn Minh K và Trịnh Bảo N1 cho bà Nguyễn Thị Khánh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Khánh N không yêu cầu ông Trịnh Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Khánh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Khánh N, cho bà Nguyễn Thị Khánh N được ly hôn với ông Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trịnh Văn Minh K, sinh ngày 08/8/2014 và Trịnh Bảo N1, sinh ngày 02/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Khánh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày con T niên. Ông Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Khánh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000431 ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Khánh N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Khánh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Trịnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(số 52/07.05.2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng